

Số: /KH-UBND

Hà Nam, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Hà Nam thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tỉnh ủy Hà Nam thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là *Chương trình hành động của Tỉnh ủy*); Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa Chương trình hành động của Tỉnh ủy, triển khai thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp và nhân dân trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống cho nông dân và người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

2. Yêu cầu

- Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng quan điểm, mục tiêu và nội dung Nghị quyết số 19 - NQ/TW, Chương trình hành động của Tỉnh ủy nhằm nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; xác định rõ nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên cần quan tâm tập trung lãnh chỉ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, nội dung Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, mỗi địa phương, đơn vị cần xây dựng các chương trình, đề án, dự án cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở địa phương, đơn vị mình; tăng cường đầu tư về mọi mặt, đồng thời có những chính sách thích hợp hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục khó khăn, vướng mắc, đảm bảo việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đạt hiệu quả, chất lượng và đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- **Về nông nghiệp:** xây dựng nền nông nghiệp phát triển hiện đại, sản xuất hàng hoá nông sản ngày càng lớn, hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- **Về nông dân:** nông dân và người dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- **Về nông thôn:** phát triển toàn diện, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống trong lành; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

* Về nông nghiệp

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 1,7%/năm (giá so sánh năm 2010).

- Cơ cấu nội bộ ngành: Chăn nuôi - thủy sản chiếm 58%, trồng trọt - lâm nghiệp chiếm 30%, dịch vụ nông nghiệp chiếm 12%; giá trị sản phẩm/đơn vị diện tích canh tác gấp 1,3 lần so với năm 2025.

- Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất lúa: thu hoạch đạt 95%, gieo trồng đạt 70%, bảo quản chế biến đạt 60%.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phần đầu đạt bình quân trên 10%/năm.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 4,5%.

* Về nông dân

- Tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân từ 5,5 - 6%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2030 tăng ít nhất 2,5 - 3 lần so với năm 2020.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp/tổng lao động xã hội còn dưới 15%, lao động nông nghiệp được đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt $\geq 60\%$.

* Về nông thôn

- Có 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100% (tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt 80%).

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và người dân nông thôn văn minh phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, thông minh, sản xuất hàng hoá tập trung ngày càng lớn, giá trị gia tăng cao, công nghiệp chế biến nông sản theo chuỗi giá trị bền vững. Nông thôn hiện đại, điều kiện sống tiệm cận với đô thị, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện đồng bộ hiệu quả quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tập trung tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc quan điểm về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ Hà Nam, coi đây là giải pháp đột phá, trọng tâm, động lực trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng (*Đài phát thanh - truyền hình, báo, cổng thông tin, mạng xã hội...*) về nội dung, tình hình và kết quả thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh uỷ tại các địa phương và các Sở, ngành, đơn vị trong tỉnh; tăng thời lượng, nâng cao chất lượng các chuyên mục, phóng sự, tin, bài, tuyên truyền về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Triển khai thực hiện quả Chương trình số 2896/CTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 về truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững; Chương trình đào tạo nghề trong nông nghiệp cho lao động nông thôn nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, năng lực tổ chức sản xuất của nông dân và người dân nông thôn. Từng bước xây dựng lực lượng lao động nông nghiệp, nông thôn chuyên nghiệp, lành nghề để tạo ra các sản phẩm có giá trị hàng hóa cao và khả năng cạnh tranh trên thị trường, thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao

động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập và thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở nông thôn.

- Thực hiện quyền làm chủ của nông dân và người dân nông thôn theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ nông dân và người dân nông thôn phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng văn hóa, thể thao, xây dựng nếp sống văn minh, bảo vệ môi trường khu vực nông thôn; trong đó, chú trọng xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; bảo tồn và phát huy đa dạng, phong phú về các giá trị văn hóa ở nông thôn, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...

- Đẩy mạnh các phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ và thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp lý, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học công nghệ cho nông dân và người dân nông thôn.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, tạo điều kiện cho nông dân và người dân nông thôn từng bước tiếp cận dịch vụ cao trong y tế. Thực hiện tốt các chính sách dân số, bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em; chính sách bảo hiểm và nâng cao tỷ lệ người nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế.

3. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 3724/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đảm bảo hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết đề ra.

- Chỉ đạo đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phát huy thế mạnh, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của

tin. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai. Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị; quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng. Cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

- Về trồng trọt: thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa, quy mô lớn. Quản lý và sử dụng đất trồng lúa linh hoạt, hiệu quả; chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học và phân bón vô cơ; khuyến khích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học và phân bón hữu cơ để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất và đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng; phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh.

+ Đối với cây lúa: đến năm 2030, đảm bảo ổn định diện tích đất chuyên trồng lúa là 24.667 ha, trong đó bố trí diện tích đất gieo trồng lúa chất lượng cao (*chiếm 70% diện tích trồng lúa của tỉnh*) đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và thị trường trong nước, xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển sản xuất lúa hữu cơ, tiêu chuẩn VietGap...; xây dựng nhiều mô hình cánh đồng mẫu được áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất tăng dần hàng năm. Thí điểm xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn, hữu cơ. Áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học và phân bón vô cơ. Khuyến khích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học và phân bón hữu cơ để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất và đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ sử dụng phân bón hữu cơ đạt trên 40%, thuốc bảo vệ thực vật sinh học đạt trên 45%.

+ Đối với cây rau củ quả, cây dược liệu: đến năm 2030, duy trì diện tích gieo trồng các loại rau, củ, quả đảm bảo sản lượng rau củ quả cung cấp phục vụ 100% nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh và một phần cung cấp cho các tỉnh lân cận.

+ Đối với cây ăn quả: duy trì và cải tạo diện tích cây ăn quả hiện có, phát triển những vùng sản xuất cây ăn quả tập trung chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa, đạt cả về năng suất và giá trị, đặc biệt là những vùng quy hoạch chuyển đổi cây ăn quả trên đất trồng lúa. Thay thế nhiều giống cây ăn quả cũ bằng giống cây ăn quả mới (*như giống vải u trướng, giống ổi Đài Loan, giống bưởi Diễn, giống táo đại...*) đồng thời đẩy nhanh tốc độ áp dụng tiến bộ khoa

học, kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp.

+ Đối với cây hoa, cây cảnh: duy trì diện tích trồng hoa hiện có ở các địa phương để cung cấp nhu cầu hoa tại chỗ, tập trung đầu tư sản xuất theo hướng công nghệ cao cho những địa phương đã có nghề trồng hoa lâu đời và hiệu quả kinh tế cao để phát triển các loại hoa, cây cảnh cao cấp gắn với du lịch sinh thái như xã Phù Vân (*thành phố Phủ Lý*); xã Bình Nghĩa, xã Vũ Bản (*huyện Bình Lục*); xã Thụy Lôi (*huyện Kim Bảng*); xã Liêm Cần, xã Liêm Phong (*huyện Thanh Liêm*)... và một số vùng có lợi thế phát triển.

- Về lâm nghiệp: làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng; sử dụng, khai thác có hiệu quả tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp nhằm bảo vệ môi trường, phát triển du lịch sinh thái, bảo tồn nguồn gen. Duy trì ổn định diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện có đến năm 2030 có khoảng 3.900ha.

- Về chăn nuôi: phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, tập trung phát triển các đối tượng nuôi chủ lực của tỉnh như: gia súc (*bò sữa, trâu, bò thịt, lợn...*), gia cầm, thủy cầm..., đồng thời xác định chăn nuôi là ngành quan trọng trong tái cơ cấu nông nghiệp; thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng dụng tiến bộ về giống, thức ăn và công nghệ mới; chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế và lợi thế cạnh tranh cao; đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực chăn nuôi; bố trí quỹ đất phù hợp cho phát triển chăn nuôi. Xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hoá chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh.

+ Đối với chăn nuôi lợn: khai thác hiệu quả các khu chăn nuôi tập trung hiện có, tiếp tục phát triển chăn nuôi lợn theo hướng trang trại công nghiệp, tập trung để kiểm soát ô nhiễm môi trường, dịch bệnh. Đẩy mạnh áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi theo chuỗi gắn với giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng công nghệ chuồng kín trong chăn nuôi lợn theo hình thức trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp gia trại bằng nhiều giải pháp như đệm lót sinh học, xử lý chất thải trong chăn nuôi lợn bằng công nghệ vi sinh EM, hầm Biogas.

+ Chăn nuôi gia cầm: phát triển, chuyển đổi chăn nuôi gia cầm quy mô trang trại, tập trung và chăn nuôi quy mô chuyên nghiệp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, giống gia cầm năng suất, chất lượng cao; ứng dụng công nghệ chuồng kín, công nghệ sinh học xử lý môi trường trong chăn nuôi gà theo hình thức trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp; cơ cấu thịt gia cầm chiếm khoảng 30-35% trong tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng toàn tỉnh, phù hợp với chủ trương, định hướng tái cơ cấu ngành chăn nuôi của tỉnh.

+ Đối với đàn trâu bò: tiếp tục giữ ổn định đàn trâu, bò phát triển tại các khu chăn nuôi trâu, bò thịt; bò sinh sản tập trung. Tập trung cải tạo, nâng cao chất lượng đàn bò cái sinh sản, phát triển đàn bò thịt chất lượng cao. Ứng dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo trên đàn bò, sử dụng các loại tinh phân biệt giới tính,

trình bò sữa cao sản, trình bò chất lượng cao để cải tạo, nâng cao chất lượng đàn bò. Tiếp tục cải tạo, nâng cao tầm vóc đàn bò theo hướng Zebu hóa (sind hóa). Hình thành những vùng chuyên chăn nuôi bò sữa tập trung.

- Về thủy sản: phát triển thủy sản theo chiều sâu, tập trung vào các đối tượng chủ lực, có lợi thế và khả năng cạnh tranh như cá trắm cỏ, cá chép, cá trắm đen và một số loài thủy đặc sản. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, mở rộng diện tích nuôi thâm canh các đối tượng có giá trị kinh tế cao. Duy trì và phát triển nghề nuôi cá lồng trên sông Hồng. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi đất lúa sang nuôi trồng thủy sản tại các vùng đã được quy hoạch chuyên đổi theo Kế hoạch 1876/KH-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Khai thác có hiệu quả các mô hình nuôi cá ứng dụng công nghệ sông trong ao, xây dựng liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Về áp dụng cơ giới hóa, bảo quản, chế biến sau thu hoạch gắn với phát triển thị trường tiêu thụ nông sản, bảo đảm phát triển bền vững: thực hiện hiệu quả kế hoạch số 3093/KH-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2030. Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp một cách hiệu quả, từ khâu gieo trồng, nuôi trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản chế biến sản phẩm nông sản, cụ thể như:

+ Khuyến khích phát triển các mô hình: Mạ khay máy cấy, phun thuốc bảo vệ thực vật và bón phân qua lá bằng máy bay không người lái, sử dụng máy gặt trong thu hoạch lúa, máy làm đất, lên luống trồng rau màu và cây vụ đông hàng hóa; Sử dụng máy đa năng chăm sóc (*vun, xới*) và đưa công nghệ tưới tiết kiệm nước, tưới tự động để áp dụng đối với một số loại rau màu, cây ăn quả; khuyến khích đầu tư hệ thống sấy phù hợp với quy mô, trình độ sản xuất tiên tiến, gắn với các cơ sở xay xát, dự trữ lương thực có quy mô lớn; kho bảo quản lúa tại các hợp tác xã, doanh nghiệp, áp dụng cơ giới hóa, tự động hoá để kiểm soát các thông số kỹ thuật trong quá trình bảo quản.

+ Đẩy mạnh áp dụng máy, thiết bị trong chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, có kỹ thuật và công nghệ phù hợp để hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường vừa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi như: máy trộn làm thức ăn, máy thái cỏ, máy băm nghiền đa năng, các loại máy cho ăn tự động; hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động và các loại máy ép phân, khử mùi...; sử dụng máy móc, thiết bị ở các khâu: cho ăn, chăm sóc, thu hoạch như máy tạo sóng, sục khí, ép cám, cho ăn tự động.

- Về đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác: Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1755/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt đề án nâng cao hiệu quả hoạt động các Hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã

(HTX), tổ hợp tác (THT), nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất; xử lý dứt điểm, giải thể các HTX hoạt động kém hiệu quả, nhiều năm thua lỗ; thành lập các HTX, THT ít thành viên phù hợp với điều kiện, lợi thế phát triển của từng địa phương. Đặc biệt là thành lập các HTX, THT ít thành viên tập trung đất đai, liên kết tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp liên kết với các HTX sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân. Phân đầu đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Nam có 360 HTX nông nghiệp, trong đó, có 80% HTX hoạt động hiệu quả; có từ 3-5 Liên hiệp HTX nông nghiệp; trên 80 HTX ứng dụng công nghệ cao; 180 HTX nông nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và trên 20 HTX có sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao trở lên.

4. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

- Tiếp tục hoàn thiện đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức triển khai quy hoạch nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn; trên cơ sở quy hoạch triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển toàn diện, đồng bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tiến tới hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; tạo ra nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản; phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn; hạn chế phát triển ngành công nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch và thực tế tại các địa phương; xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn, đồng thời nâng cấp hệ thống chợ đáp ứng nhu cầu của người dân nông thôn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 2986/KH-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và gắn với phát triển du lịch nông thôn. Từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất và tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm cho người dân; khuyến khích phát triển, nâng cao giá trị các sản phẩm đặc sản và sản phẩm nông nghiệp truyền thống của tỉnh. Quảng bá và tiêu thụ sản phẩm thông qua các sàn thương mại điện tử và các hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm... Cơ cấu phát triển ngành nghề tại các huyện, thị xã, thành phố phù hợp với tình hình từng địa phương.

- Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp, HTX, trang trại, các chủ thể sản xuất OCOP nhằm phát huy hơn nữa vai trò trong liên kết sản xuất, bảo

quản, chế biến nông sản. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 2984/KH-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP” tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025. Mỗi năm, mỗi huyện, thị xã, thành phố, phát triển thêm từ 01 - 02 sản phẩm OCOP mới; phát triển mới mỗi năm ít nhất 10 tổ chức kinh tế (*THT, HTX, doanh nghiệp nhỏ và vừa*) và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh tham gia chương trình OCOP.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP, tích cực tham gia hội chợ, hội thảo khoa học trong nước hướng tới thị trường xuất khẩu.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 3239/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025 và Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025. Phấn đấu đến năm 2030 mỗi huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 điểm du lịch nông thôn gắn với lợi thế về nông nghiệp, văn hoá, làng nghề hoặc môi trường sinh thái của địa phương; hình thành các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch nông thôn đảm bảo đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; tỉnh Hà Nam có 01 điểm du lịch nông thôn (*du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề...*) theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững.

5. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá

- Tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu và hiệu quả. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và hoàn thiện các tiêu chí trong bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời rà soát, thu hồi Quyết định công nhận đối với những địa phương không đảm bảo tiêu chí nông thôn mới trong giai đoạn 2021- 2025 theo quy định.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” giai đoạn 2021 - 2026; cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” và phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo hiệu quả, thiết thực; tạo chuyển biến tích cực trong việc xây dựng con người có tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữ nông thôn với thành thị. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố , tăng cường quốc phòng, an ninh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Quy hoạch kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hóa, cảnh quan môi trường, điều kiện thực tế của tỉnh. Đầu tư xây hoàn thiện, nâng cao chất lượng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như hệ thống

giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, giáo dục, hệ thống đèn chiếu sáng; mở rộng, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn, khai thác có hiệu quả các dự án đã được đầu tư; tăng cường giám sát cộng đồng đối với những dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn. Đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, công trình phòng chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu sản xuất và nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, rủi ro, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 2937/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường công tác quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường nông thôn, ngăn chặn và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đang ngày càng gia tăng như: tổ chức quản lý, vận hành tốt các điểm tập kết, vận chuyển, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại như bao bì thuốc bảo vệ thực vật và vật tư nông nghiệp....

- Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhất là môi trường trong chăn nuôi và các làng nghề; khuyến khích nhân dân ủ rác hữu cơ thành phân vi sinh tái phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuyên truyền, vận động toàn dân thu gom, xử lý triệt để rác thải nông thôn. Hỗ trợ xây dựng các nhà máy chế biến rác hữu cơ, chất thải chăn nuôi thành phân hữu cơ; xây dựng các công trình xử lý nước thải như hầm biogas tại các khu chăn nuôi tập trung đảm bảo đạt tiêu chuẩn về nước thải trước khi thải ra môi trường.

- Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp, các cơ sở thu gom, giết mổ và sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản thực phẩm; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh về an toàn thực phẩm. Giám sát ô nhiễm thực phẩm về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, chất cấm trong chăn nuôi, hóa chất bảo quản, các chỉ tiêu an toàn thực phẩm đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản trước và sau khi thu hoạch, trong quá trình sản xuất, chế biến, lưu thông trên thị trường.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch chuyên đề góp phần thực hiện mục tiêu chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

6. Rà soát, xây dựng, triển khai kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 03/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông

thôn để chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới đảm bảo đồng bộ, khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện. Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để đảm bảo hỗ trợ có hiệu quả việc phát triển sản xuất nông nghiệp và nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, như:

- Chính sách đất đai: có cơ chế, chính sách cho tích tụ, tập trung ruộng đất như chuyên nhượng quyền sử dụng đất, thuê đất để tham gia sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Quản lý tốt việc sử dụng đất trồng lúa và đất rừng; sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa; tránh tình trạng bỏ hoang, làm thoái hoá đất; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật; tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền các cấp, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực.

- Chính sách đầu tư: tăng cường đầu tư công cho nông nghiệp, trong đó tăng tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ, hạ tầng thương mại, đào tạo nhân lực, bảo đảm liên kết vùng, sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu; đầu tư công nghiệp và dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các vùng có lợi thế, vùng chuyên canh chính. Ưu tiên phân bổ nguồn vốn thực hiện chính sách: thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản; khuyến nông; đào tạo nghề; nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; cơ giới hóa nông nghiệp; phát triển chăn nuôi bền vững; bảo quản, chế biến.

- Rà soát, bổ sung cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể, trọng tâm HTX nông nghiệp.

- Chính sách về tài chính, tín dụng: tạo điều kiện về cơ chế chính sách tín dụng, bố trí nguồn vốn vay ưu đãi, khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho HTX, doanh nghiệp, hộ nông thôn phát triển sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái.

7. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

- Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:

- + Triển khai hiệu quả Chương trình số 2897/CTr-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025.

- + Tăng cường liên kết, hợp tác với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học, doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các giống cây, con, quy

trình sản xuất công nghệ mới tiên tiến để áp dụng vào sản xuất như: Công nghệ giống, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản và chế biến sâu sau thu hoạch; đổi mới và nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao của các tổ chức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh; nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại có hiệu quả.

+ Tăng nguồn vốn đầu tư trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Phát triển các tổ chức trung gian kết nối công nghệ (*sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đổi mới sáng tạo,...*) để cung cấp dịch vụ thông tin, tư vấn, môi giới công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, trang trại, HTX.

+ Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả một số chương trình nghiên cứu lớn gồm: Chương trình nghiên cứu, sản xuất, chuyển giao giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 và các sản phẩm chủ lực của tỉnh; phát triển công nghệ chế biến sâu, công nghệ bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch.

+ Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chuyển đổi số, các mô hình chuyển đổi số có hiệu quả cao của tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm nâng cao nhận thức cho người dân đặc biệt là người nông dân về chuyển đổi số.

+ Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát sản phẩm OCOP đồng bộ, hiệu quả, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giám sát sản phẩm OCOP.

+ Hình thành nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản phục vụ công tác quản lý như: quản lý mã số vùng trồng, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và cho người dân. Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng, quản lý mã số vùng trồng; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, quản lý cơ sở chăn nuôi; xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý, cơ sở dữ liệu quản lý vùng nuôi trồng thủy sản; xây dựng cơ sở dữ liệu rừng, tích hợp vào Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp; xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới, quản lý hợp tác xã, kinh tế trang trại, làng nghề; xây dựng cơ sở dữ liệu các dự án đầu tư công trình (thủy lợi, phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn) phục vụ quản lý chất lượng và giám sát thi công; xây dựng nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản; xây dựng hệ thống dữ liệu chế biến phục vụ cung cầu nông sản; thông tin dự báo thị trường tiêu thụ, xuất khẩu các nông sản chủ lực.

+ Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Phát triển quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo ra sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc.

- Đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn:

+ Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường cao đẳng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc tỉnh; thúc đẩy đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

+ Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là lao động trẻ nông thôn đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm.

+ Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng và hệ thống dịch vụ việc làm.

8. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

- Triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh và quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng gắn với các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất sản xuất đảm bảo phù hợp điều kiện, lợi thế của địa phương. Bảo vệ chặt chẽ diện tích đất chuyên trồng lúa.

- Quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững nguồn nước mặt, nước ngầm phục vụ sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về phá rừng, cháy rừng, khai thác gỗ trái phép. Thực hiện bảo vệ và phát triển rừng phải gắn với bảo tồn thiên nhiên và giữ gìn môi trường sinh thái.

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao, xác lập cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp. Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu; xây dựng kịch bản, phương án để ứng phó, khắc phục kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

9. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

- Nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về nông nghiệp và nông thôn, mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của tỉnh.

- Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Chú trọng phát triển thị trường nông sản ngoài tỉnh, dần hướng tới thị trường xuất khẩu, hình thành chuỗi cung ứng - sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong và ngoài nước.

- Hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm tiềm năng của tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh khuyến khích thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn; đặc biệt liên quan đến đầu tư xử lý nước thải, chất thải rắn trước hết là tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu xử lý rác tập trung.

- Mở rộng hợp tác, chuyển giao khoa học và công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn

- Tăng cường vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; rà soát, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy trong lĩnh vực nông nghiệp từ tỉnh đến huyện, xã; tổ chức tốt hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập và dịch vụ nông nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, minh bạch, công khai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Phát huy quyền làm chủ của người dân ở cơ sở, tạo điều kiện để người dân tích cực tham gia các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn, tiếp tục tăng cường tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phát huy vai trò nòng cốt tập hợp, đoàn kết nhân dân; thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội hướng vào phục vụ dân, sát dân, vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, xoá đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của nông dân và người dân nông thôn để vươn lên làm giàu cho chính mình và gia đình, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại. Xây dựng Hội Nông dân tỉnh thực sự vững mạnh, chủ động tham gia thực hiện một số chương trình, dự án phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống của nông dân; hướng dẫn phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, xây dựng NTM gắn với phát triển đô thị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ của đơn vị mình; phân công 01 đồng chí Lãnh đạo phụ trách, chỉ đạo thực hiện công tác này; định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/11*) báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời gửi cơ quan thường trực là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nội dung của Kế hoạch; định kỳ hàng năm (*trước ngày 15/12*) tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất các giải pháp kịp thời với Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung, chương trình, đề án do ngành phụ trách.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn liền với quá trình đô thị hóa, nông thôn hiện đại.

- Rà soát các cơ chế, chính sách có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Trung ương và của tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm đối với các chương trình, đề án, dự án sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các pháp luật khác có liên quan để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ, hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp, chi thường xuyên để thực hiện Kế hoạch theo đúng các quy định hiện hành và tình hình thực tế của địa phương.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của tỉnh.

- Chủ trì tham mưu xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách có liên quan đến nghiên cứu ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ và tiến bộ

khoa học kỹ thuật; triển khai các đề tài nghiên cứu, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (*chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận Hà Nam*) cho các sản phẩm nông sản có thể mạnh của tỉnh dưới hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hình thức khác.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành liên quan rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn đặc biệt là đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động nhằm giải quyết việc làm kết hợp với xuất khẩu lao động.

- Phối hợp với các đơn vị, địa phương thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững thông qua chương trình giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện tốt chương trình bảo hiểm y tế cho người dân đặc biệt là nông dân và người dân nông thôn.

6. Sở Y tế

Tổ chức thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, sức khỏe, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh, nhất là các loại bệnh dịch dễ lây lan, có nguy cơ bùng phát cao. Phối hợp thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác quản lý đất đai, đặt biệt quản lý chặt chẽ đất nông nghiệp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, đánh giá thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay để có giải pháp khắc phục, đồng thời có biện pháp kiểm soát phòng, chống ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và các đô thị mới hình thành ở nông thôn.

8. Sở Công Thương

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch và thực tế tại các địa phương; triển khai các hoạt động khuyến công hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất cho các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hỗ trợ các cá nhân, tổ chức (*doanh nghiệp, HTX, THT*) tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ xây dựng và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương nghiên cứu, hỗ trợ phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng gắn với Chương trình OCOP; xây dựng các tour, tuyến, điểm du lịch gắn với nông nghiệp và nông thôn mới. Đẩy mạnh công tác quảng bá các hình ảnh về bản sắc văn hóa, các sản phẩm Ocop trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các Sở, ngành liên quan định hướng tuyên truyền với các cơ quan báo chí của tỉnh; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Đài Truyền thanh cấp huyện, cấp xã tuyên truyền về các nội dung của Nghị quyết 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 64-CTr/TU và các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Chủ trì phối hợp các đơn vị có liên quan hướng dẫn các địa phương thực hiện ứng dụng chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông dân và xây dựng nông thôn mới.

11. Các sở, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành quản lý chủ động phối hợp các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện nhằm đảm bảo nội dung, mục tiêu Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

12. Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, các ngành, thống nhất nhận thức và hành động để thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua “*Chung sức xây dựng nông thôn mới*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, tiếp tục phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

13. Các cơ quan thông tin truyền thông

Báo Hà Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài truyền thanh cơ sở thường xuyên có chuyên mục tuyên truyền về nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy tới toàn thể nhân dân được biết.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của kế hoạch triển khai thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy, xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Bố trí kinh phí địa phương, huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Mỗi đơn vị cấp huyện nghiên cứu, lựa chọn xây dựng thành công 2-3 mô hình/công việc; chỉ đạo mỗi đơn vị cấp xã lựa chọn xây dựng 01 mô hình/công

việc tiêu biểu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế, tiềm năng, lợi thế của địa phương để tập trung thực hiện đảm bảo hiệu quả, thực chất.

- Chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra giám sát các xã, thị trấn thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; tổ chức đánh giá và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy Hà Nam về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn vướng mắc và cần điều chỉnh, bổ sung những nội dung cụ thể của Kế hoạch, các Sở, ngành, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.
- VPUB: LĐVP(2), NNTNMT;

L/NN/2023/KH01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng